

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 11 -2019.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Sơn;

2. Ông Hoàng Ngọc Ph.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 6, ấp Hội Th, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Xuân D, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 6, ấp Hội Th, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph trình bày:

Bà và ông Lê Xuân D sống chung và có đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D lười nhác không lo làm

ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã về kinh tế. Đến năm 1996 thì bà và ông D ly thân bà về sống chung với mẹ là bà Hoàng Thị My. Đến năm 2010 do ông D thường xuyên lên nhà năn nỉ xin lỗi, vì thương con nên bà và ông D đã sống chung lại với nhau, đến năm 2012 thì giữa bà và ông D lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do ông D lười nhác không lo làm ăn, đến năm 2016 bà và ông D lại tiếp tục ly thân cho đến nay do ông D nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Xuân D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung là cháu Lê Quỳnh Đức, sinh năm 1996 và cháu Lê Huỳnh Ngọc Khánh, sinh ngày 13/7/2012. Cháu Đức bị tâm thần không đủ khả năng tự lao động và sinh sống được còn cháu Khánh thì đang đi học. Nay ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu ông Lê Xuân D cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho một con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Xuân D cho rằng bà và ông D có tài sản chung là 01 thửa đất số 104 tờ bản đồ số 24 (thửa mới thửa số 81 tờ bản đồ số 25) diện tích $2.555m^2$ (qua đo đạc thực tế là $2.407,3m^2$) đất tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và căn nhà trên đất. Đối với thửa đất này thì đây là tài sản riêng của bà do bà Hoàng Thị My (đã chết) (mẹ bà Ph) mua của bà Lê Thị Gái cho riêng bà, bà đã đi đăng ký năm 2002, không chấp nhận chia cho ông D. Còn căn nhà trên đất là tài sản chung của bà và ông D, bà đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Do bà đang nuôi 02 con nên bà yêu cầu được nhận nhà và giao cho ông D một phần tiền tương ứng. Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá bà thống nhất không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Lê Xuân D trình bày: Ông và bà Ph sống chung và có đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND thị trấn Tân Châu. Đến khoảng năm 1998, 1999 vợ chồng ông có ly thân khoảng 02 - 03 năm do ông đi làm cá và đi nuôi bò. Sau đó ông có ở lại sống chung với bà Ph cho đến nay. Nay bà Huỳnh Thị Ph yêu cầu ly hôn, ông đồng ý do bà Ph có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác.

Về con chung: Ông và bà Ph có 02 con chung như lời trình bày của bà Ph là đúng. Cháu Lê Quỳnh Đức có bị tâm thần còn Khánh hiện tại đang đi học. Nay ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông có 01 thửa đất số 104 tờ bản đồ số 24 (thửa mới thửa số 81 tờ bản đồ số 25) diện tích $2.555m^2$ (qua đo đạc thực tế là $2.407,3m^2$) đất tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc thửa đất do vợ chồng ông nhờ bà Hoàng Thị My (mẹ bà Ph) mua của bà Lê Thị Gái với giá bao nhiêu ông không rõ. Do ông không biết chữ cho nên ông để cho vợ ông là bà Huỳnh Thị Ph đi đăng ký kê khai thửa đất nên trên. Đến năm 2012 thì vợ

chồng ông có làm nhà trên đất nay ông yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trên, ông muốn lấy phần đất có nhà để sinh sống. Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 59, Điều 62, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Ph đối với ông Lê Xuân D.

Về con chung: Giao con chung cháu Lê Quỳnh Đức, sinh năm 1996 và cháu Lê Huỳnh Ngọc Khánh, sinh ngày 13/7/2012 cho bà Huỳnh Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Xuân D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ông Lê Xuân D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Chia tài sản chung là thửa đất số 104 tờ bản đồ số 24 (thửa mới thửa số 81 tờ bản đồ số 25) diện tích 2.555m² (qua đo đạc thực tế là 2.407,3m²) đất tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất là nhà và cây cao su theo tỷ lệ 5/5 bà Ph được một nửa và ông D được một nửa.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ph, ông Lê Xuân D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Xuân D sống chung với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/3/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà Huỳnh Thị Ph yêu cầu ly hôn với ông Lê Xuân D do vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc và ông Lê Xuân D cũng đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Ph nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Xuân D.

[2] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Xuân D có 02 con chung là cháu Lê Quỳnh Đức, sinh năm 1996 và cháu Lê Huỳnh Ngọc Khánh, sinh ngày 13/7/2012 cả bà Ph và ông D đều thừa nhận cháu Đức bị tâm thần nhẹ không đủ khả năng để tự lao động và sinh sống. Bà Huỳnh Thị Ph có cung cấp giấy ra viện của cháu Lê Quỳnh Đức (BL 68) thể hiện chẩn đoán cháu Đức bị bệnh “Rối loạn hoang tưởng dai dẳng” tại Bệnh viện tâm thần Trung ương 2. Bà Ph và ông D đều có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con, tuy nhiên trong thời gian bà Ph và ông D ly thân bà Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con. Hơn nữa nguyện vọng của Đức và cháu Khánh sau khi cha mẹ ly hôn là muốn ở với bà Ph. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu Khánh nên giáo cháu Khánh cho bà Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Dù cháu Lê Quỳnh Đức, sinh năm 1996 đã trên 18 tuổi, nhưng cháu bị bệnh tâm thần nhẹ. Do đó ông Lê Xuân là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đức và cháu Khánh, mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi và cháu Đức đến khi hết bệnh tự lao động, có thu nhập tự sinh sống được.

[3] Về tài sản chung: Là 01 thửa đất số 104 tờ bản đồ số 24 (thửa mới thửa số 81 tờ bản đồ số 25) diện tích 2.555m^2 (qua đo đạc thực tế là $2.407,3\text{m}^2$) đất tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất là nhà và cây cao su. Bà Huỳnh Thị Ph cho rằng đối với quyền sử dụng đất đây là tài sản riêng của bà do mẹ của bà Ph, là bà Hoàng Thị My (đã chết) mua của bà Lê Thị Gái và cho bà Ph đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp cho hộ ông (bà) Huỳnh Thị Ph ngày 21/10/2002. Ông Lê Xuân D cho rằng đây là tài sản chung của 02 vợ chồng, do vợ chồng ông nhờ mẹ vợ là bà Hoàng Thị My đi mua của bà Lê Thị Gái, giá mua bao nhiêu ông không nhớ rõ.

[3.1] Xét lời trình bày của bà Ph và ông D thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất bà Ph ông D đang tranh chấp, là do nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Gái. Qua làm việc với bà Lê Thị Gái (BL36) thể hiện bà Lê Thị Gái là người trực tiếp chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị My với giá 15 chỉ vàng vào năm 2001, chứ không phải chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ph, ông D và bà cũng không biết ông D là ai, vì đến năm 2010 ông D mới về sống chung với bà Ph. Hơn nữa qua hồ sơ đăng ký cấp đất lần đầu do Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp cung cấp thể hiện bà Huỳnh Thị Ph là người trực tiếp đi kê khai đăng ký. Như vậy nguồn gốc thửa đất bà Ph, ông D đang tranh chấp là do bà Hoàng Thị My mua của bà Lê Thị Gái. Tuy nhiên bà Ph cũng thừa nhận bà và ông D sống chung trên đất từ năm 2010 đến năm 2012 thì có làm nhà và trước đó là trồng cây cao su trên đất. Như vậy cần xem xét đến công sức đóng góp, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản của ông Lê Xuân D để chia cho ông

Lê Xuân D một phần tương ứng với công sức đóng góp của ông Lê Xuân D nên chia tỷ lệ, bà Ph 06 phần ông D 04 phần là phù hợp.

[3.2] theo kết quả định giá:

- Trên đất có 150 cây cao su 12 năm tuổi tuy nhiên trồng không đúng quy cách (trồng dày) nên giá trị là 150.000 đồng/cây = 22.500.000 đồng.

- Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có giá trị là 1.961.000 đồng/01 mét vuông do đã sử dụng 07 năm nên khấu hao 50%. Qua kết quả đo đạc căn nhà có diện tích 118m². Như vậy giá trị căn nhà là 118 x 1.961.000 đồng x 50% = 115.699.000 đồng.

- Giá trị thửa đất theo kết quả định giá là 11.000.000 đồng/01 mét ngang. Qua kết quả đo đạc chiều dài phía trước là 51,77 mét, chiều dài phía sau là 38 mét. Như vậy chiều ngang trung bình là 44,885 mét x 11.000.000 đồng = 493.735.000 đồng

Như vậy tổng giá trị đất, nhà và cây cao su trên đất là 631.934.000 đồng.

[3.3] Cả bà Ph và ông D đều có nguyện vọng nhận đất có nhà tuy nhiên do bà Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nên cần giao nhà và đất cho bà Ph để ổn định chỗ ở nuôi dạy các con. Bà Huỳnh Thị Ph có nghĩa vụ giao lại cho ông Lê Xuân D 4/10 giá trị tài sản chung ông D được hưởng là 252.773.600 đồng. Bà Ph được quyền sử dụng 01 thửa đất số 104 tờ bản đồ số 24 (thửa mới thửa số 81 tờ bản đồ số 25) diện tích 2.555m² (qua đo đạc thực tế là 2.407,3m²) đất tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất là nhà và cây cao su.

[4] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Xuân D trình bày không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá 9.600.000 đồng bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Xuân D phải chịu tương ứng với phần tài sản được hưởng. Bà Ph phải chịu 5.760.000 đồng; ông D phải chịu 3.840.000 đồng. Ghi nhận ông Lê Xuân D đã nộp và chi phí xong. Bà Huỳnh Thị Ph có nghĩa vụ giao lại cho ông Lê Xuân D 5.760.000 đồng.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ph, ông Lê Xuân D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Xuân D.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung gồm cháu Lê Quỳnh Đức, sinh năm 1996 và Lê Huỳnh Ngọc Khánh, sinh ngày 13/7/2012 cho bà Huỳnh Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Xuân D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đức và cháu Khánh mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi và cháu Đức đến khi hết bệnh tự lao động, có thu nhập tự sinh sống được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/11/2019. Ông Lê Xuân D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Xuân D không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Giao cho bà Huỳnh Thị Ph được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 104 tờ bản đồ số 24 (thửa mới thửa số 81 tờ bản đồ số 25) diện tích 2.555m² (qua đo đạc thực tế là 2.407,3m²) đất tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất là nhà và cây cao su (có sơ đồ kèm theo).

Bà Huỳnh Thị Ph có nghĩa vụ giao lại cho ông Lê Xuân D giá trị tài sản chung bằng tiền là 252.773.600 (hai trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày ông Lê Xuân D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Ph không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Bà Ph, ông D trình bày không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá 9.600.000 đồng Bà Ph phải chịu 5.760.000 (năm triệu, bảy trăm, sáu chục ngàn) đồng; ông D phải chịu 3.840.000 (ba triệu, tám trăm, bốn chục ngàn) đồng. Ghi nhận ông Lê Xuân D đã nộp và chi phí xong. Bà Huỳnh Thị Ph có nghĩa vụ giao lại cho ông Lê Xuân D 5.760.000 (năm triệu, bảy trăm, sáu chục ngàn) đồng.

6. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 18.958.020 (mười tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn không trăm hai mươi) đồng tiền án phí chia tài sản khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Thị Ph đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu số 0015028 ngày 25/02/2019. Bà Huỳnh Thị

Ph còn phải nộp 18.958.020 (mười tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn không trăm hai mươi) đồng.

- Ông Lê Xuân D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 12.638.680 (mười hai triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi) đồng án phí về chia tài sản, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng ông Lê Xuân D đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu số 0015145 ngày 22/3/2019. Ông Lê Xuân D còn phải nộp 11.438.680 (mười một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Xuân D được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND thị trấn Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Văn Cường